

Số: 04 /PA-UBND

Tân Châu, ngày 15 tháng 01 năm 201

PHƯƠNG ÁN

**Bố trí dân cư khu vực tổ 7, ấp Con Trăn,
xã Tân Hòa, huyện Tân Châu**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành kế hoạch giải quyết tình trạng bao, lấn chiếm và sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013 - 2015 và quy hoạch đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án “Di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”;

Căn cứ Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 5875/VP-TH ngày 27/12/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh về việc Thông báo kết luận cuộc họp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về Phương án bố trí dân tại tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu “Giao UBND huyện Tân Châu xây dựng phương án chi tiết, tiêu chí cụ thể xét chọn đối tượng được giao đất, được bố trí vào khu dân cư để triển khai thực hiện các chủ trương đã thống nhất”.

II. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH CÁT NHÀ, CHÒI TRÊN ĐẤT LÂM NGHIỆP TẠI TỔ 7, ẤP CON TRĂN, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU

Khu vực cầu Sài Gòn, hiện nay là tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu; trước năm 1975, nơi đây là sân bay dã chiến của chế độ cũ; sau năm 1975, Nhà nước thành lập Trại cải tạo Tổng Lê Chân; từ sau năm 1980, có một số hộ dân đến sinh sống (chủ yếu làm cá ven hồ nước); đến năm 1993, khi Trại cải tạo Tổng Lê Chân dời sang tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) thì có một số hộ dân đến chiếm đất lâm nghiệp làm rẫy và sống ven theo đường. Năm 1997, Ban quản lý Dự án rừng Bắc Suối Ngô (nay là Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng) đã tổ chức di dời số hộ trên, tập trung ra khu dân cư ấp Con Trăn (có hỗ trợ kinh phí và cấp một phần đất thổ cư); nhưng sau đó, một số hộ tự quay trở lại khu vực cầu Sài Gòn (tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa) cát nhà chòi với lý do khu vực dân cư sóc Con Trăn không có đất sản xuất.

Hiện nay, sau khi kiểm tra rà soát lại trên thực địa chỉ còn lại 59/68 hộ (16 hộ nhà tường cấp 4 bán kiên cố; 43 hộ nhà tol vách ván, vách tạm; 09 hộ đã chuyển đi nơi khác gồm: 03 hộ di dời ra khu dân cư ấp Tân Thuận, 02 hộ di dời ra khu dân cư 167, 04 hộ tự chuyển đi nơi khác). Tại khu vực này, trước năm 2009 (thời điểm triển khai thực hiện Quyết định 875/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành kế hoạch giải quyết tình trạng bao, lấn chiếm và sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích) bị bao, lấn chiếm là 46 nhà, chòi; sau năm 2009 là 13 nhà chòi, trong đó có 27 nhà, chòi có điện sử dụng (nguồn điện kéo tạm từ các hộ dân bên kia cầu Sài Gòn thuộc tỉnh Bình Phước), còn lại 32 nhà, chòi không có điện sử dụng; nước sinh hoạt sử dụng từ nước ngầm; có 16 người đại diện cho 16 hộ tham gia hợp đồng nhận khoán trồng rừng, diện tích 55,9 ha; 32 người đang bao chiếm trồng cây nông nghiệp trong quy hoạch lâm nghiệp là 108 ha; diện tích đất ở bình quân 4.000m², nhiều nhất 20.000m², thấp nhất 100m².

Hiện trạng khu vực quy hoạch bố trí dân cư hai bên đường ĐT.794 (trong phạm vi 900m) có 18 hộ, trong đó 9 hộ có nhà tường cấp 4 bán kiên cố, 9 nhà tol vách ván, vách tạm, các hộ đang sử dụng nguồn điện tự kéo từ Bình Phước qua, sử dụng nguồn nước từ giếng đào. Hiện trạng cây trồng trên 10,08 ha đất như sau:

* Đất trồng, cỏ, ao:	15.700m ²
* Đất cây ăn quả (ổi, điều):	7.400m ²
* Cao su:	9.000m ²
* Rừng trồng (vốn Nhà nước):	16.200m ²
* Rừng trồng cây keo (vốn tự có):	13.900m ²
* Vườn tạp:	36.000m ²

III. PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ DÂN CƯ KHU VỰC TỔ 7, ẤP CON TRẦN, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU

1. Quy mô khu dân cư

Bố trí cho 150 hộ, trong đó có các hộ dân tại tổ 7, ấp con Trần, xã Tân Hòa (nằm trong Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp của tỉnh) và các đối tượng khác ngoài khu vực thuộc diện hộ nghèo không có đất ở, sẽ giao đất ở cho mỗi hộ $400m^2$ ($10m \times 40m$); không bố trí đất sản xuất nông nghiệp, phù hợp về diện tích đất ở theo Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp trên địa bàn.

2. Vị trí khu dân cư:

- Bố trí dọc hai bên đường ĐT.794 ngoài lộ giới quy hoạch (theo Quyết định số 64/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải Tây Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, lộ giới 63m, mỗi bên là 31,5m tính từ tim đường).

- Có chiều dài 900m mỗi bên (cách cầu Sài Gòn 1 hướng về Nhà máy Ciment Fico Tây Ninh là 350m) sâu vào mỗi bên là 40m (phía sau quy hoạch lộ giới đường ĐT.794, tầm nhìn đến năm 2030).

Như vậy, diện tích phải chuyển ra ngoài tổng quan lâm nghiệp để thành lập khu dân cư là: 10,08ha (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh chủ trì thực hiện các thủ tục điều chỉnh đưa ra ngoài Quy hoạch đất lâm nghiệp*) trong đó:

+ Diện tích lộ giới quy hoạch tầm nhìn đến năm 2030 cho đủ 31,5m mỗi bên:

$$16m \times 900m \times 2 = 28.800m^2 (2,88ha).$$

+ Diện tích thành lập khu dân cư tính từ lộ giới 31,5m vào mỗi bên:

$$40m \times 900m \times 2 = 72.000m^2 (7,2ha).$$

+ Phía sau khu dân cư là mương thoát nước, nhằm mục đích làm ranh giới đất dân cư và đất lâm nghiệp; mương thoát nước rộng 2m, tổng chiều dài 1960m ($2m \times 1.960m = 3.920m^2$), diện tích này vẫn nằm trong quy hoạch lâm nghiệp.

3. Đối tượng, tiêu chí được giao đất

3.1. Đối tượng giao đất

- Các hộ đang sinh sống tại tổ 7, ấp Con Trần, xã Tân Hòa có đủ điều kiện được giao đất và các hộ nằm trong Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp của tỉnh được phê duyệt tại Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh và hộ phát sinh do điều tra sát gồm (*30 hộ có danh sách kèm theo*):

+ 14 hộ trong khu quy hoạch 900m (có tên trong Đề án di dời);

+ 16 hộ ngoài khu vực quy hoạch 900m (có tên trong Đề án di dời là 15 hộ, 01 hộ điều tra sát).

- Số hộ giảm so với đề án di dời dân là 11 hộ (có 03 hộ đã di dời ra khu dân cư ấp Tân Thuận, 02 hộ bán đất đi nơi khác, 04 hộ có nhà đất nơi khác, 02 hộ đã chuyển đi nơi khác).

- Các hộ nghèo trên địa bàn xã Tân Hòa không có đất ở hợp pháp.

3.2. Tiêu chí giao đất

- Các hộ đang sinh sống và có nhà ở tại tổ 7, ấp Con Trần, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu (*trừ trường hợp ở đậu, ở nhờ xem như chung hộ*), thời điểm có

nhà ở trước năm 2009, nhưng không có đất ở hợp pháp ở nơi khác, đồng thời thường xuyên ở địa phương.

- Các hộ có tên trong Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp của tỉnh được phê duyệt tại Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh ở khu vực ấp Con Trăn được hỗ trợ đất bố trí dân cư.

- Các hộ nghèo có hộ khẩu ở địa phương nhưng không có đất ở hợp pháp.

- Việc tổ chức rà soát, xét chọn công khai, minh bạch theo đúng tiêu chí, đúng đối tượng.

4. Bố trí đất xây dựng nhà ở và ổn định tại chỗ

- Các hộ hiện có nhà ven đường ĐT.794 trong khu đất quy hoạch bố trí dân cư, đủ điều kiện giao đất thì ổn định tại chỗ theo nguyên trạng (cần thiết thì dịch chuyển vị trí cho phù hợp với quy hoạch) và khi xây dựng hoặc sửa chữa lại nhà ở thì dịch chuyển ra khỏi phạm vi lộ giới quy hoạch 63m.

- Các hộ nằm ngoài khu đất quy hoạch bố trí dân cư, đủ điều kiện giao đất thì bố trí xen ghép trong khu đất quy hoạch bố trí dân cư.

5. Di dời bố trí dân cư

- Ổn định tại chỗ cho 14 hộ đủ điều kiện giao đất theo nguyên trạng có nhà, chòi cất ven đường ĐT.794 trong khu vực phạm vi 900m dự kiến quy hoạch bố trí dân cư (các hộ có tên trong Đề án di dời) (*chi tiết kèm phụ lục 1*).

- Di dời 16 hộ vào khu bố trí quy hoạch dân cư, mỗi hộ được hỗ trợ kinh phí di dời 30 triệu đồng theo Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp (có tên trong Đề án di dời là 15 hộ, 01 hộ điều tra sót) (*chi tiết kèm phụ lục 2*).

- Di dời 07 hộ đi nơi khác ở được hỗ trợ kinh phí di dời, mỗi hộ được hỗ trợ kinh phí di dời 30 triệu đồng theo Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp (có tên trong Đề án di dời là 03 hộ, 04 hộ điều tra sót). Do các hộ này có nhà, đất ở hợp pháp nơi khác (*chi tiết kèm phụ lục 3*).

- Buộc tự di dời 22 hộ đi nơi khác không hỗ trợ kinh phí và đất ở (có tên trong đề án di dời là 06 hộ, 16 hộ điều tra sót). Do các hộ này có nhà, chòi sau năm 2009, không có ở địa phương, chỉ cất chòi giữ rừng và làm cá trên sông (*chi tiết kèm phụ lục 4*).

6. Diện tích đất bố trí cho các hộ đủ điều kiện giao đất

- Diện tích bố trí cho 30 hộ có đủ điều kiện giao đất là 12.000m²;

- Diện tích còn lại làm quỹ đất dự phòng để thực hiện cho các đối tượng theo tiêu chí nêu ở phần trên là 60.000m².

7. Đầu tư hạ tầng

- San lấp mặt bằng diện tích 7,2 ha;

- Mọc mương ranh giới đất lâm nghiệp với khu dân cư dài mỗi bên 980 m;

- Đo đạc, phân lô, cắm mốc (10,08 ha)/150 thửa;

- Xây dựng hệ thống điện dài 6,7km (trung thế 5,7 km, hạ thế 1 km), điểm đầu tại khu dân cư ấp Con Trăn, điểm cuối cách cầu Sài Gòn 1 là 350 m và 02 trạm biến áp 100kVA;

- Rà soát bom mìn khu vực quy hoạch bố trí dân cư.

- Xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt dài 7km

8. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn Ngân sách tỉnh hỗ trợ

8.1. Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế

- Thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 200.000.000 đồng.

- Đo đạc, phân lô, cắm mốc (10,08 ha)/150 thửa x 600.000 đồng/thửa = 90.000.000 đồng.

- Hỗ trợ di dời 30.000.000 đồng/hộ x 23hộ = 690.000.000 đồng.

Cộng: 980.000.000 đồng

8.2. Nguồn vốn đầu tư phát triển

- San lấp mặt bằng diện tích 7,2 ha x 15.000.000 đồng/ha = 108.000.000 đồng.

- Mọc mương phân giới đất lâm nghiệp: $980 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 2 = 7.840 \text{ m}^3 \times 10.000 \text{ đồng/m}^3 = 78.400.000 \text{ đồng}$.

- Xây dựng hệ thống điện trung thế, hạ thế dài 6,7 km và 02 trạm biến áp 100kVA: 2.420.000.000 đồng.

- Rà phá bom mìn: 10,08 ha x 50.000.000 đồng/ha = 504.000.000 đồng.

- Xây dựng đường ống cấp nước từ Nhà máy cấp nước cho khu dân cư Sài Gòn 2 dài 7km vốn 4.000.000.000 đồng

Cộng: 7.110.400.000 đồng

Tổng cộng: 8.090.400.000 đồng

8.3. Phân kỳ đầu tư

- Năm 2018:

+ Thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 200.000.000 đồng.

+ San lấp mặt bằng, mọc mương phân giới đất lâm nghiệp: 186.400.000 đồng;

+ Rà soát bom mìn: 504.000.000 đồng.

- Năm 2019:

+ Đo đạc, phân lô, cắm mốc: 90.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ di dời : 690.000.000 đồng.

+ Xây dựng hệ thống điện trung thế, hạ thế dài 6,7 km và 02 trạm biến áp 100kVA: 2.420.000.000 đồng

- Xây dựng đường ống cấp nước từ Nhà máy cấp nước cho khu dân cư Sài Gòn 2 dài 7km vốn 4.000.000.000 đồng

9. Xử lý cây trồng trên đất quy hoạch khu dân cư

Thông báo cho các hộ đang canh tác trái phép trên đất lâm nghiệp tận thu sản phẩm và cây trồng trên đất, giao đất lại cho nhà nước theo thời gian quy định

10. Thời gian thực hiện: 2018-2019

IV. ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Sau khi Phương án được duyệt, thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

V. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

Ổn định cuộc sống cho các hộ dân tại tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, tạo điều kiện cho các hộ đủ điều kiện được bố trí đất ở an tâm lập nghiệp lâu dài.

Đầu tư phát triển lưới điện dọc theo đường ĐT.794 từ khu dân cư ấp Con Trăn đến cầu Sài Gòn không những cung cấp điện cho khu dân cư quy hoạch mà còn cấp điện cho khu dân cư 522 của xã Tân Hòa, các trạm, chốt dân quân, biên phòng, chốt bảo vệ rừng của các đơn vị trên địa bàn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên Môi trường, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND xã Tân Hoà triển khai thực hiện phương án bố trí dân cư khu vực tổ 7, ấp Con Trăn.

- Hướng dẫn, đôn đốc, giám sát UBND xã Tân Hòa thực hiện bố trí dân cư tại tổ 7, ấp Con Trăn theo đúng phương án được phê duyệt.

- Phối hợp với Ban Quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND xã Tân Hoà tiếp tục xử lý theo Quyết định 875/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh đối với các hộ bố trí ổn định tại chỗ;

- Tham mưu UBND huyện phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục điều chỉnh đưa ra ngoài tổng quan lâm nghiệp 10,8 ha đất rừng.

- Phối hợp với UBND xã Tân Hòa và Ban Quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng tổ chức xét chọn đối tượng và xét tiêu chí giao đất cho các hộ có đủ điều kiện giao đất.

- Định kỳ báo cáo đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện phương án, đề xuất UBND huyện các vấn đề phát sinh nếu vượt thẩm quyền.

2. Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng:

- Chủ trì, phối hợp Hạt kiểm lâm Tân Châu, Hạt kiểm lâm khu RPH Dầu Tiếng, UBND xã Tân Hòa và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND huyện xử lý phần đất lâm nghiệp bị bao chiếm ngoài quy hoạch khu dân cư và ngoài diện tích đất ở của 68 hộ theo quy định, nhất là việc trồng rừng đúng quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp PTNT và UBND xã Tân Hòa xét chọn đối tượng và xét tiêu chí giao đất cho các hộ có đủ điều kiện giao đất.

- Tuyệt đối không để các hộ dân tái phạm và phát sinh mới cất nhà trái phép trên đất lâm nghiệp.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng và UBND xã Tân Hòa tham mưu UBND huyện:

- Đo đạc, phân lô, cắm mốc khu đất quy hoạch;
- Giao đất cho các hộ được giao đất ở khu đất quy hoạch bố trí dân cư;
- Đưa dự án vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm; tham mưu UBND huyện các thủ tục liên quan đến việc thực hiện thu hồi đất, giao đất theo quy định.

4. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với UBND xã Tân Hòa, Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND huyện xét hộ nghèo không có đất ở để giao đất khu bố trí dân cư trên địa bàn xã.

5. Phòng Tư pháp:

Tham mưu, hỗ trợ về mặt pháp lý đối với những vấn đề liên quan đến pháp luật trong thực hiện phương án.

6. Phòng Tài Chính-Kế hoạch:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND huyện phân khai nguồn kinh phí để thực hiện phương án.

- Hướng dẫn thực hiện công tác thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện phương án bố trí dân cư khu vực tổ 7, ấp Con Trăn.

7. Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện:

Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống điện, san lấp mặt bằng, mương ranh giới khu quy hoạch dân cư.

8. UBND xã Tân Hoà:

- Lập kế hoạch ổn định tại chỗ cho các hộ dân sống ven đường ĐT.794 tại tổ 7, ấp Con Trăn; chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội xét chọn đối tượng hộ nghèo giao đất khu vực bố trí dân cư đảm bảo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng tổ chức xét chọn đối tượng và xét tiêu chí giao đất cho các hộ có đủ điều kiện giao đất.

- Công khai phương án cho người dân biết trước khi triển khai thực hiện.
- Đề nghị cấp thẩm quyền bổ sung Quy hoạch khu dân cư tại địa phương.
- Tổ chức di dời các hộ sống trong đất lâm nghiệp có đủ điều kiện ra khu quy hoạch dân cư.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường và Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng giao đất ở cho các hộ được bố trí đất ở trong khu dân cư quy hoạch.

- Phối hợp Ban quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng xử lý việc trồng rừng đối với diện tích bị lấn, chiếm ngoài khu vực quy hoạch khu dân cư và ngoài diện tích đất ở của 68 hộ ở tại tổ 7, ấp Con Trăn.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Nông nghiệp và PTNT theo quy định để tổng hợp, báo cáo UBND huyện và Sở Nông nghiệp và PTNT.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho điều chỉnh 45 hộ tại tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu thuộc diện di dời dân ra khỏi

đất lâm nghiệp đưa ra khỏi Đề án được duyệt tại Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh (có danh sách kèm theo) để thực hiện theo Phương án bố trí dân cư tại tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa.

Trên đây là Phương án bố trí dân cư tại khu vực tổ 7, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa của UBND huyện Tân Châu./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục PTNT;
- TT.HU-TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Các phòng ban huyện liên quan;
- Ban Quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu: VPHĐND-UBND.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH

Nguyễn Hòa Bình

THUYẾT MINH CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN

1. Tính phù hợp của dự án

Thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 5875/VP-TH ngày 27/12/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh về việc Thông báo kết luận cuộc họp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các đối tượng được bố trí giao đất có tên trong danh sách tại Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và hộ nghèo không có đất ở tại địa phương.

2. Cơ sở tính toán chi trong phương án

- San lấp mặt bằng, mốc mương phân giới đất lâm nghiệp khái toán theo đơn giá khoán thực tế tại địa phương: đơn giá thấp hơn so với Quyết định 564/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Công bố đơn giá xây dựng công trình - phần xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Đo đạc, phân lô, cắm mốc: áp dụng đơn giá theo Quyết định số 2724/QĐ - UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng đơn giá đo bản đồ và quản lý đất đai trên địa bàn huyện;

- Xây dựng hệ thống điện trung thế, hạ thế: kèm theo khái toán của Chi nhánh điện Tân Châu;

- Hỗ trợ di dời 30.000.000 đồng/hộ: áp dụng chính sách hỗ trợ giống như Quyết định 375/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án di dời dân ra khỏi đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Rà soát bom mìn: tham khảo ý kiến của Ban Chỉ huy Quân sự huyện).

Tân Hòa, ngày tháng 5 năm 2017

DANH SÁCH HỘ DÂN KHU VỰC TỎ 7 ÁP CON TRẦN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ỒN ĐỊNH TẠI CHỖ KHU VỰC BỎ TRÍ DÂN CƯ

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở							Năm HĐ trồng rừng	Ghi chú	
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)	Rừng rất xung yếu			Rừng xung yếu
											Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)							
A. HỘ CÓ TÊN TRONG ĐỀ ÁN DI DỜI THEO QĐ 375.																			
I	Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; có hợp đồng trồng rừng.																		
I.1	Có hộ khẩu tại địa phương:																		
1	Phạm T Diệu Hoàng	1963	290016577	Tổ 6, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2011	làm rẫy	5	1995	Tường	170	0.8	2006	VT	8/44	x		ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
2	Phạm Xuân Trường	1978	291201524	Tổ 7, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2007	LL dân quân	4	1995	Tol vách gỗ	90	0.2	2007	VT	2/49	x		ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
3	Nguyễn Văn Dũng	1965	290602517	Tổ 7, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2007	làm rẫy	5	1995	Tường	100	0.3	2006	Đ, VT	8/44	x		ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
II	Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																		
I.1	Có hộ khẩu tại địa phương:																		
1	Hồ Minh Út (Sen)	1972	290657090	Con Trần, Tân Hòa, TC, TN	Tổ 6, Con Trần	1989	làm rẫy	5	1993	Tạm	32	0.1	1995	VT	8/44	x		ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
II	Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																		
2.1	Có hộ khẩu tại địa phương:																		
								31			1052	4.21							
								19			954	3.05							

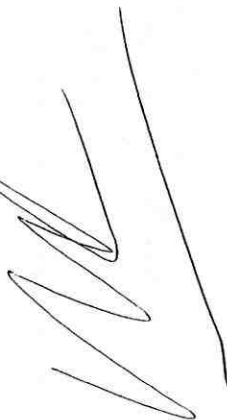
Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở										Năm HD trồng rừng	Ghi chú
			Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)	Rừng rất xung yếu	Rừng xung yếu				
										Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)									
Hoàng Thị Hiền Vợ Trần Văn Bắc hộ bà đã được di dời cấp đất tại thửa 19, TBD 51, DT 1507,4m2 và bà đã bán hết quay về khu cầu Sài Gòn	1966	290837919	Tổ 5, Con trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2006	làm rẫy	3	1994	Tường	250	0.5	1996	VT,CS	2/49	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Phạm Huy Nhưong chúng hộ khẩu Phạm Xuân Trường	1943	291116775	Tổ 7, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2010	chăn nuôi	2	1998	Tol vách gỗ	24	0.1	2001	VT	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Phạm Thị Tuyết Vân đang ở tổ 6 Con Trăn bán bánh canh, hủ tiếu	1970	290432321	Tổ 6, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2014	Buôn bán	1	1995	Tường	150	0.25	1997	D,X	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Đỗ Minh Hùng	1977	291184655	Tổ 7, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2005	Buôn bán	4	1996	Tol vách gỗ	100	0.7	2000	Ôi	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Lý Thị Chì vợ ông Đỗ Tuấn Đoàn	1973	291200730	Tổ 3, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2014	làm rẫy	3	1997	Tol vách gỗ	90	1.3	2000	D	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Giáp Văn Thành	1962	290668610	Tân Thuận, Tân Hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2005	quản bán nước	5	2005	Tol+ lá	300	0.2	2007	Quán cơm	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Nguyễn Thị Phương (Vợ Thị Cung chết) mất năng lực hành vi đang hưởng BHXH	1975		Tổ 7, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2007	Nội trợ	1	2009	Tường	40		2011	D, VT	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m		
Không có hộ khẩu tại địa phương:										12										
										98	1.16									

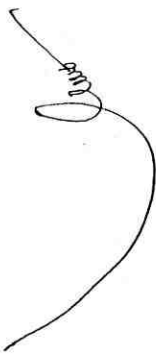
Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Vê ở năm	Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/ TK)	Rừng rất xung yếu	Rừng xung yếu	Năm HB trồng rừng	Ghi chú
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu					Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)							
8	Đoàn Quang Biên	1969	280595305		Tổ 7, Con Trấn		quán bán nước	4	1995	Tol vách tol	45	0.9	1996	VT	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
9	Nguyễn Văn Quý	1979	290698990		Tổ 7, Con Trấn		làm rẫy	3	2004	Tường	28	0.16	2008	VT	2/49	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
10	Trịnh Công Tùng	1960	290645040	Châu Thành - Tây Ninh	Tổ 7, Con Trấn	1985	làm thuê	5	1997	Tol vách Tol	25	0.1	2012	VT	2/49	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
Tổng cộng																			

BAN QUẢN LÝ KHU RỪNG PHÒNG HỘ TIẾNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ





DANH SÁCH HỘ DÂN KHU VỰC TỎ 7 ÁP CON TRẦN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DI DỜI VÀO KHU VỰC BỎ TRÍ DÂN CƯ CÓ HỖ TRỢ TIỀN

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở							Năm HD trồng rừng	Ghi chú
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)	Rừng rất xung yếu		
A. HỘ CÓ TÊN TRONG ĐỀ ÁN DI DỜI THEO QĐ 375.																		
I Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; có hợp đồng trồng rừng.																		
1.1 Có hộ khẩu tại địa phương:																		
1	Nguyễn Văn Nhân	1965	290642695	Tổ 1, ấp 4, Tân Hòa TC, TN	Tổ 7, Con Trần	1996	quản bán nước	3	1990	Lá cột dựng	160	0.2	1990	VT	2/49	x	ở ven đường 794 khu vực 350m chân cầu	
2	Võ Hoàng Mỹ	1977	290665168	Tổ 1, Con Trần, Tân hòa TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2009	quản bán nước	2	2005	Tol vách gỗ	85	0.7	2005	VT	8/44	x	ở ven đường 794 ngoài phạm vi 900m	
3	Đỗ Thị Phương đã chết còn 2 đứa con đang ở với ngoại tổ 3 ấp Con Trần	1978	290678333	Tổ 7, Con Trần, Tân hòa TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2013	quản bán nước	3	1994	Tường	100	0.2	1994	VT	2/49	x	ở ven đường 794 khu vực 350m chân cầu	
4	Nguyễn Văn Út (Út Rít)	1955	290287099	Suối Ngò, Tân Châu, Tây Ninh	Tổ 7, Con Trần		làm rẫy	3	2004	Tol vách bạt	35	1.4	2004	RT	13/48	x	Ở trong Rừng	
1.2 Không có hộ khẩu tại địa phương:																		
5	Nguyễn Hoàng Hà Dời trong dôi 81 ra 2016	1971	291011876	Suối DĐA, DMC, TN	Tổ 7, Con Trần	1979	làm rẫy	4	2008	Tol vách gỗ	35	0,015	2013	VT	2/49	x	ở ven đường 794 ngoài phạm vi 900m	
II Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																		
2.1 Có hộ khẩu tại địa phương:																		
								41			743	9.146						
								37			643	8.146						

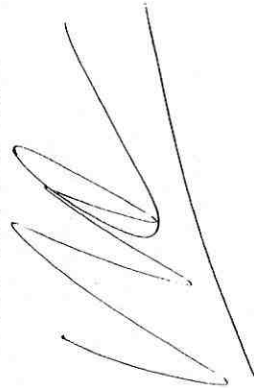
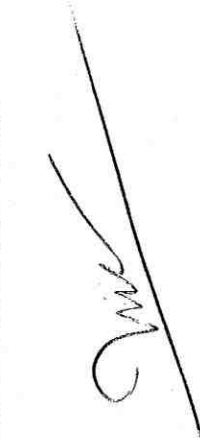
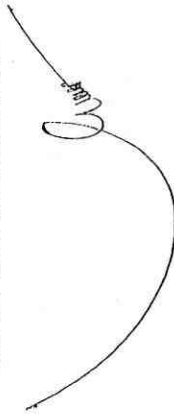
[illegible]

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ		nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Vẽ ở năm	Nhà ở				Rừng rất xung yếu	Rừng xung yếu	Năm HD trồng rừng	Ghi chú
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay				Năm cấp hộ khẩu	Loại nhà	Diện tích Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)				
15	Trương Thành Bình	1941	290294121	Châu Thới II, Châu Phú B, Châu Đốc	Tổ 7, Con Trăn	sửa xe	4	2000	Tường	100	1.0	2004	VT	1/49		ở ven đường 794 ngoài phạm vi 900m
B. HỘ PHÁT SINH DO ĐIỀU TRA SÓT																
I	Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.															
1.1	Có hộ khẩu tại địa phương:															
1	Nguyễn Ngọc Có (3 Long An)	1945	290529442	Tổ 1, Con Trăn, Tân hòa, TC. TN	Tổ 7, Con Trăn	làm rẫy	1	1983	Tol vách gỗ	49		2014	Tr	2/49		cách đường 794 400m, trong phạm vi 900m
Tổng cộng																

BQL KHU RỪNG PHÒNG HỘ DẦU TIẾNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PL-3

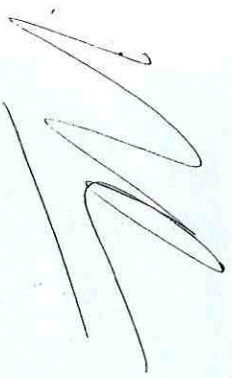
hiện tại ông không
thường xuyên ở địa phương; ông
nơi khác

Hộ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp p	Số nhân khẩu	Vê ở năm	Loại nhà	Diện tích		Nhà ở		Vị trí (Kh/TK)	Rừng rất xung yếu	Rùn g xung yếu	Năm HD trồng rừng	Ghi chú	
			Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu					Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)	Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng						
Nguyễn Văn Bời	1962	290529307	Tổ 7, Con Trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn	2002	làm rẫy	4	1994	Tol vách tol	35		1994	CS, Mĩ	2/49	x		2001	Đã có nhà tại tổ 3 ấp Con Trăn	
Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																			
Nguyễn Thị Hòa	1950	291016045	Tân Thành, TC, TN	Tổ 7, Con Trăn		làm rẫy	5	2004	Tol vách gỗ	98	1	2004	VT, Đ	7/44		x		Không có hộ khẩu thường trú tại địa phương (ngoài 900m)	
Dương Văn Huych				Tổ 7, Con Trăn		già	1	1997	Tol vách tre	60	0.9	1997	VT	2/49	x			Không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong 900m	
Tổng cộng																			
BQL KHU RỪNG PHÒNG HỘ DẦU TIẾNG																			
PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT																			
T.M. 1993																			

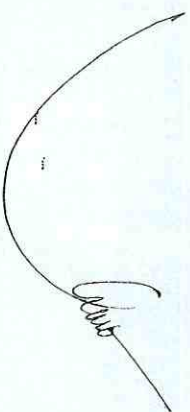
BQL KHU RỪNG PHÒNG HỘ DẦU TIẾNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ







Tân Hòa, ngày tháng 5 năm 2017

DANH SÁCH HỘ KHU VỰC TỔ 7 ÁP CỌN TRẦN KHÔNG ĐỦ CÁC ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ DI DỜI, PHẢI TỰ DI DỜI

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Loại nhà	Nhà ở					Năm HĐ trồng rừng	Ghi chú	
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu					Diện tích Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)	Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)			Rừng xung yếu
A. HỘ CÓ TÊN TRONG ĐỀ ÁN DI DỜI THEO QĐ 375.																		
I Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; có hợp đồng trồng rừng.																		
1 Không có hộ khẩu tại địa phương:																		
1	Nguyễn Thị Hai	1965			Tổ 7, Con Trần		làm rẫy	4	1993	Tol vách bạt	40	0.2	1999	RT	6/49	x	03-'09	Do hộ bà chỉ cất chòi giữ đất hợp đồng trồng rừng, hiện tại hộ bà có nhà đất ở nơi khác.
II Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																		
1 Không có hộ khẩu tại địa phương:																		
2	Nguyễn Văn Tâm	1966		Mố Cây, Bến tre	Tổ 7, Con Trần		làm rẫy	4	2006	Tol vách tre	20	1.5	2008	Tr	2/49	x		ở ven đường 794 khu vực 350m chân cầu
III Hộ không có nhà, chòi (đã bán); không có hợp đồng trồng rừng.																		
3	Nguyễn Thị Hư	1950	291174879	Trường Phú, Trường Đông, HT, TN	Tổ 7, Con Trần		công nhân	2	2004	Tol vách bạt	28	0.015	2013	VT	8/44	x		Hộ bà đã bán hết đất hiện tại không thường xuyên tại địa phương
IV Về sau 2009; có hợp đồng trồng rừng																		
4	Nguyễn Công Nhất	1978	290622366	Thị trấn Tân Châu	Thị trấn Tân Châu		làm rẫy	2	2012	Tạm	40	0.01	2012		4/49	x	2001	Đã chuyển đi nơi khác
V Nhóm đối tượng còn lại (không hỗ trợ di dời)																		

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở							Năm HD trồng rừng	Ghi chú	
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Km/TK)	Rừng rất xung yếu			Rừng xung yếu
	Đỗ Thị Nghi đang ở Đắc Lắc nhà hiện tại cho người khác ở nhờ		245090167	Đắc Dơ, Không nô Đắc nông	Tổ 7, Con Trần		làm thuê	4	2012	Tường	40	0.25	2012	D	1/49		x	Do hộ bà về ở sau năm 2009	
6	Triệu Thị Liễu	1978	121736723	T	Tổ 7, Con Trần		làm thuê	2	2011	Tường	75	0.6	2011	D	1/49		x	Do hộ bà về ở sau năm 2009	
B. HỘ PHÁT SINH DO ĐIỀU TRA SÓT																			
I	Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; có hợp đồng trồng rừng.																		
I	Không có hộ khẩu tại địa phương:																		
1	Trương Hoài Thanh	1969	290437064		Tổ 7, Con Trần		làm rẫy	2	2005	Tol vách bát	30		2005		6/49		x	2008	Hộ ông cắt chòi trong đất trồng rừng để chăn nuôi và giữ rẫy.
II Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																			
I	Có hộ khẩu tại địa phương:																		
2	Trương Ánh Tuyết	1968	291185001	Tổ 1, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2013	làm thuê	3	2000	Tol vách bát	64		2004	VT, CS	1/49		x		O đầu xem như chung hộ với hộ Trương Thành Bình
3	Trương Minh Khai	1959		Tổ 1, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2000	làm thuê	2	2000	Tạm	32		2004		1/49		x		O đầu xem như chung hộ với hộ Trương Thành Bình
4	Trương Kim Hoàng	1967	291185327	Tổ 1, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	2014	làm thuê	2	2000	Tạm	32		2004	Sửa xe	1/49		x		O đầu xem như chung hộ với hộ Trương Thành Bình
5	Nguyễn Văn Tiến	1980		Tổ 3, Con Trần, Tân hòa, TC, TN	Tổ 3, Con Trần	2011	làm thuê	3	1998	Nhà Lợp tol	90		1998						O đầu trên đất ông Long Thu đã được cấp giấy CN, QSDĐ khu vực 522

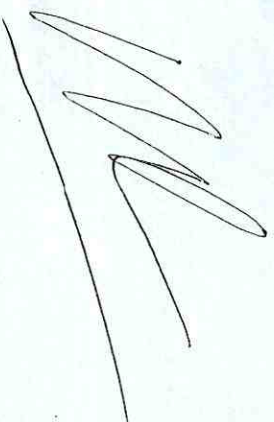
Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ		nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Loại nhà	Nhà ở				Năm HĐ trồng rừng	Ghi chú		
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay					Diện tích	Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)			Rừng rất xung yếu	Rừng xung yếu
2	Không có hộ khẩu tại địa phương:																
6	Nguyễn Văn Thanh	1970	290473625	Tân Lợi, Tân Phú, Tân Châu, TN	Tổ 7, Con Trần	làm thuê	3	1997	Tol vách lá	65	0.2	2015	Tr	2/49	x	Phát sinh năm 2016	
III Hộ có nhà, chòi sau năm 2009:																	
1	Không Có hộ khẩu tại địa phương, có hợp đồng trồng rừng:																
7	Chu Thị Quý mua lại đất của Nguyễn Văn Đức 2010	1953	291104687	Suối Dây, Tân Châu, TN	Tổ 7, Con Trần	làm rẫy	3	2010	Tường	192	0.2	2010	VT	1/49	x	ở ven đường 794 ngoài phạm vi 900m	
8	Hồ Thanh Diễn quay lại ở năm 2013	1976	291134668	Tân Đông, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	làm thuê	3	2008	Tol vách gỗ	40	0.1	2013	VT, T	8/44	x	ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
2	Có hộ khẩu tại địa phương, không có hợp đồng trồng rừng:																
9	Trần Thị Lan Hương	1982	290837931	Tổ 5, Con trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	tiệm hớt tóc	3	1994	Tường	77	0.1	2010	VT	2/49	x	ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
10	Trần Hoàng Nam	1984	290894378	Tổ 5, Con trăn, Tân hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	làm rẫy	3	1994	Tường	77	0.1	2013	VT	2/49	x	ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
11	Hồ Minh Sơn	1987		Tổ 7, áp Con Trần	Tổ 7, áp Con Trần	làm thuê	3	2015	Nhà Lợp tol	35		2015		8/44	x	ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
12	Tổng Thị Bích Ngọc chung hộ với Bà Chu Thị Quý	1982	24785193	Tổ 5, Cây Cậy, Tân Hòa, TC, TN	Tổ 7, Con Trần	làm rẫy	2	2003	Tol	50	1.2	2013	Đ, Trăm	2/49	x	ở ven đường 794 trong phạm vi 900m	
3	Không có hộ khẩu tại địa phương, không có hợp đồng trồng rừng:																

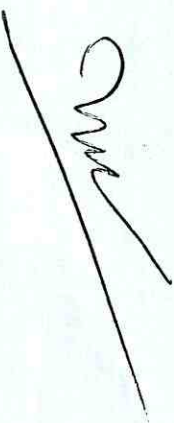
Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở							Năm HD trồng rừng	Ghi chú	
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Km/TK)	Rừng rất yếu			Rừng yếu
13	Phan Văn Tâm bỏ địa phương đi Bình Dương	1982	290843911	Tường Lưu, Hòa Thành, TN	Tổ 7, Con Trăn		làm rẫy	3	2004	Tol vách mù	26	0.035	2011	VT	8/44	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
14	Tổng Nhân Quỳnh (Huyện)-sang lại đất ông Ng. Hoàng Oanh sau 2009	1981	290728317	Suối Dây, Tân Châu, TN	Tổ 7, Con Trăn		làm rẫy	2	2010	Tường	50	1.3	2010	D	1/49		x		ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
15	Dương Văn Tài	1991	290998352		Tổ 7, Con Trăn		làm rẫy	3	2010	Tol vách bat	32		2010	VT	8/44	x			ở ven đường 794 ngoài phạm vi 900m
16	Tương Văn Hiền (đất ông Cỏ)	1977	365574948	Huyện Kế Sách - Sóc Trăng	Tổ 7, Con Trăn	2009	làm thuê	8	2015	Tol vách bat	20	0.006	2015	Tr	2/49	x			ở ven đường 794 trong phạm vi 900m
Tổng cộng																			

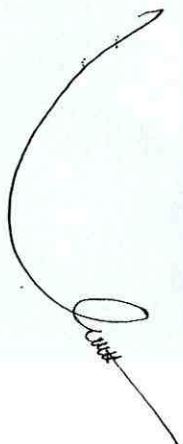
BQL KRPĐ DẦU TIẾNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ







DANH SÁCH HỘ KHU VỰC TỔ 7 ẤP CON ĐÃ DI DỜI

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở							Ghi chủ
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích Nhà, chòi (m2)	Vườn (ha)	Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)	Rừng rất xung yếu	
A. HỘ CÓ TÊN TRONG ĐỀ ÁN DI DỜI THEO QĐ 375.																	
I Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																	
1 Không có hộ khẩu tại địa phương:																	
1	Phan Thị Khon đã chuyển đi nơi khác	1959				Tổ 7, Con Trăn	làm rẫy	1	1999	Tạm	20	0.5	Đ	14/48	x	Đã di dời ra KDC Tân Thuận	
2	Trần Minh Thông	1981	285239104	Tân Hiệp, Hồn Quán, Bình Phước		Tổ 7, Con Trăn	đánh cá	4	2000	Tạm	28	0.4	S	49		Đã di dời ra KDC Tân Thuận	
3	Nguyễn Thị Sáng đã bỏ địa phương đi nơi khác	1964				Tổ 7, Con Trăn	làm rẫy	2	1993	Tol vách bạt	20	0.5	Đ, K	8/44	x	Bán đất đi nơi khác	
II Hộ không có nhà, chòi (đã bán); không có hợp đồng trồng rừng.																	
4	Võ Văn Hùng	1979	291070050	Cây Khế, Tân Hòa, Tân Châu, TN		Tổ 7, Con Trăn	đánh cá	5	1997	Bè	17			9/49	x	Đã di dời ra KDC Tân Thuận	
B. HỘ PHÁT SINH DO ĐIỀU TRA SÓT																	
I Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; có hợp đồng trồng rừng.																	
1 Không có hộ khẩu tại địa phương:																	
1	Trần Trung Trục	1979	290625124	Tân Hưng, TC, TN		Tổ 7, Con Trăn	làm rẫy	3	2006	Tol	32	0.015		2006	7/44	x	không có nhà ở
II Hộ có nhà, chòi trước năm 2009; không có hợp đồng trồng rừng.																	

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND	Địa chỉ			nghề nghiệp	Số nhân khẩu	Về ở năm	Nhà ở						Năm HH trồng rừng	Ghi chú
				Nơi đăng ký hộ khẩu	Nơi ở hiện nay	Năm cấp hộ khẩu				Loại nhà	Diện tích		Năm XD nhà, chòi	Hiện trạng	Vị trí (Kh/TK)		
1	Có hộ khẩu tại địa phương:																
2	Châu Thanh Hồng	1953	290529419	Tổ 7, Con Trăn	Tổ 7, Con Trăn	1983											Đã di dời ra KDC 167
2	Không có hộ khẩu tại địa phương:																
3	Trần Thị Màng	1926			Tổ 7, Con Trăn		già	2	2002	chòi	30		2002	####		X	Đã di dời ra KDC 167
III Hộ có nhà, chòi sau năm 2009.																	
1	Không có hộ khẩu tại địa phương, không có hợp đồng trồng rừng:																
4	Nguyễn Văn Quyền	1981	131578399		Tổ 7, ấp Con Trăn		làm rẫy	4	2015	Nhà Lợp to	20		2015	8/44		X	Đã chuyển đi nơi khác
5	Vũ Minh Đức							4		Nhà Lợp to	40		2005	D	7/44		Bỏ nhà về Bắc hơn 2 năm
Tổng cộng																	

BQL KRPĐ DẦU TIẾNG

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ